



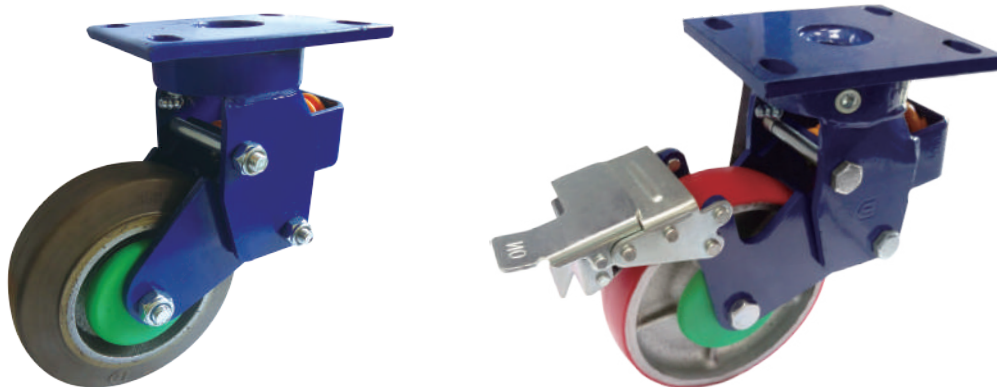
1145 Series

BÁNH XE LÒ XO KHÔNG ĐINH TÁN CHỦ

抗衝擊彈簧輪系列

- Là sản phẩm có bằng sáng chế của công ty Dersheng, chống xóc, tải nặng và chống va đập, giúp cho cang bánh không bị biến dạng trong quá trình di chuyển, có nhiều loại để lựa chọn. Gồm cang thép dày và lò xo cao cấp, chất lượng và công nghệ sản phẩm đều vượt trội hơn những sản phẩm cùng loại trên thị trường.
- 屬得勝專利產品，避震，超重負載且高抗衝擊，在搬運過程可避免腳架變形扭曲，多款供選擇。採用超厚板材及高級彈簧，品質、工藝明顯優於市場上同類產品。

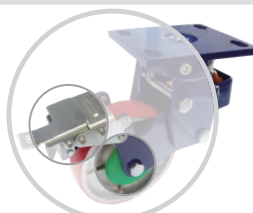
Tải trọng 載重
200-550 kg



» Đặc điểm 特色區



Không đinh tán chủ
無鉚釘設計



Khóa AK & Nắp chống bụi bằng nhựa
cho bánh xe (tùy chọn)
AK 煞
& 輪子可附塑膠防塵蓋 (供選擇)



Các loại bánh xe PU có độ
cứng khác nhau
PU 輪面可以變化硬度



Ô bi
滾珠軸承

» Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh PU lõi gang
鐵芯聚氨酯



Bánh QPU
QPU 輪



Bánh QPU lõi nhôm
鋁芯AQPU



Bánh cao su NBR
không lăn vết lõi gang
環保牽引NBR



Bánh cao su NBR lõi gang
鐵芯NBR橡膠輪 (叉車料)



Bánh EPU
EPU 輪



Bánh EQPU
EQPU 輪



Bánh VPU
VPU 輪



Bánh VQPU
VQPU 輪



Bánh Nylon
尼龍輪



Bánh WMRC
WMRC 輪



» Quy cách tấm lắp 底板規格

Kích cỡ bánh xe 腳輪尺寸	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
1	110 x 140mm (4-11/32" x 5-1/2")	75 x 110 mm(2-15/16" x 4-11/32") (Tấm lắp tiêu chuẩn)(常規標準底板)	12 mm (1/2")
	110 x 140mm (4-11/32" x 5-1/2")	80 x 105 mm(3-5/32" x 4-1/8") (Tấm lắp chuẩn Châu Âu)(歐規孔距)	12 mm (1/2")
	130 x 165mm (5-1/8" x 6-1/2")	100 x 130mm (3-15/16" x 5-1/8")	12 mm (1/2")
	114 x 159mm (4-1/2" x 6-1/4")	73.8 x 129.4mm (2-29/32" x 5-3/32")	12 mm (1/2")

 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
125mm x 40mm (5" x 1-9/16")	200 kgs (440 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1145-05-07-1	1145-05-07-2	1145-05-07-4	Ổ bi 滾珠	210mm (8-9/32")	Xoay 132mm Khóa AK 194mm 活動 132mm AK煞 194mm
	200 kgs (440 lbs)	Bánh cao su NBR không lằn vết lõi gang 環保牽引NBR輪	1145-05-90-1	1145-05-90-2	1145-05-90-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU	1145-05-87-1	1145-05-87-2	1145-05-87-4			
	200 kgs (440 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1145-05-33-1	1145-05-33-2	1145-05-33-4			
	200 kgs (440 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1145-05-04-1	1145-05-04-2	1145-05-04-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1145-05-80-1	1145-05-80-2	1145-05-80-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1145-05-78-1	1145-05-78-2	1145-05-78-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	1145-05-81-1	1145-05-81-2	1145-05-81-4			
150mm x 40mm (6" x 1-9/16")	250 kgs (550 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1145-06-04-1	1145-06-04-2	1145-06-04-4	Ổ bi 滾珠	225mm (8-27/32")	Xoay 146mm Khóa AK 200mm 活動 146mm AK煞 200mm
	250 kgs (550 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1145-06-07-1	1145-06-07-2	1145-06-07-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh cao su NBR không lằn vết lõi gang 環保牽引NBR輪	1145-06-90-1	1145-06-90-2	1145-06-90-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1145-06-45-1	1145-06-45-2	1145-06-45-4			
150mm x 42mm (6" x 1-5/8")	250 kgs (550 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1145-06-33-1	1145-06-33-2	1145-06-33-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU	1145-06-87-1	1145-06-87-2	1145-06-87-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1145-06-80-1	1145-06-80-2	1145-06-80-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1145-06-78-1	1145-06-78-2	1145-06-78-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	1145-06-81-1	1145-06-81-2	1145-06-81-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh VPU VPU輪	1145-06-82-1	1145-06-82-2	1145-06-82-4			
	500 kgs (1100 lbs)	Bánh VQPU VQPU輪	1145-06-83-1	1145-06-83-2	1145-06-83-4			
150mm x 46mm (6" x 1-13/16")	300 kgs (660 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1145-06-04-1	1145-06-04-2	1145-06-04-4			
200mm x 44mm (8" x 1-3/4")	300 kgs (660 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1145-08-04-1	1145-08-04-2	1145-08-04-4	Ổ bi 滾珠	280mm (11-1/32")	Xoay 182mm Khóa AK 254mm 活動 182mm AK煞 254mm
	300 kgs (660 lbs)	Bánh cao su NBR không lằn vết lõi gang 環保牽引NBR輪	1145-08-90-1	1145-08-90-2	1145-08-90-4			
200mm x 50mm (8" x 2")	300 kgs (660 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1145-08-33-1	1145-08-33-2	1145-08-33-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1145-08-80-1	1145-08-80-2	1145-08-80-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1145-08-78-1	1145-08-78-2	1145-08-78-4			
	450 kgs (990 lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	1145-08-81-1	1145-08-81-2	1145-08-81-4			
	450 kgs (990 lbs)	Bánh VPU VPU輪	1145-08-82-1	1145-08-82-2	1145-08-82-4			
	550 kgs (1210 lbs)	Bánh VQPU VQPU輪	1145-08-83-1	1145-08-83-2	1145-08-83-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1145-08-07-1	1145-08-07-2	1145-08-07-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1145-08-45-1	1145-08-45-2	1145-08-45-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU	1145-08-87-1	1145-08-87-2	1145-08-87-4			